TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2026
"V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Mai Văn Thuận
Bà Nguyễn Hồng Cúc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2025/TLST - HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy M, sinh năm 1994. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp V, xã N, tỉnh An Giang.
Bị đơn: Anh Trần Hoàng L, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Ấp N, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thùy M trình bày:

Chị M và anh Trần Hoàng L tự tìm hiểu nhau, bắt đầu chung sống như vợ chồng năm 2014. Đến 2016, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng hạnh phúc gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm kinh tế gia đình, không tin tưởng nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài. Chị và anh L đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không

còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị M cương quyết yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Yến N - sinh ngày 06/5/2016. Hiện cháu N đang chung sống với với chị M, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án cấp tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M và có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L là phù hợp.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M cương quyết yêu cầu ly hôn, anh L không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống chị M và anh L có 01 con chung tên Trần Nguyễn Yến N - sinh ngày 06/5/2016. Hiện cháu N đang chung sống với với chị M, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện cháu N đang chung sống ổn định với chị M, cháu đã trên 07 tuổi, cháu có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với mẹ. Chị M đảm bảo các điều kiện chăm sóc, giáo dục con. Do đó đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu N cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do chị M không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Buộc chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy M khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Hoàng L. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, được triệu tập đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng anh L có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa do bận công việc. Xét thấy sự vắng mặt của anh L không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy M và anh Trần Hoàng L chung sống với nhau từ năm 2014, đến năm 2016 anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị M xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*....". Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, không đưa ra giải pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình và không đến Tòa án tham gia tố tụng, chị M cương quyết xin ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị M và anh L ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thùy M được ly hôn với anh Trần Hoàng L.

[2.2] Về con chung:

Theo lời trình bày của chị M và các tài liệu do chị M cung cấp thì có cơ sở xác định chị M và anh L có 01 con chung tên Trần Nguyễn Yến N - sinh ngày 06/5/2016. Hiện cháu N đang chung sống với với chị M, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện cháu N đang chung sống ổn định với chị M, cháu N đã trên 07 tuổi, cháu N có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với mẹ. Chị M đảm bảo các điều kiện chăm sóc, giáo dục con. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu N cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do chị M không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị M phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002512 ngày 29/09/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thùy M được ly hôn với anh Trần Hoàng L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Yến N - sinh ngày 06/5/2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị M phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002512 ngày 29/09/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Báo cho chị M biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày tuyên án (ngày 24/02/2026). Anh L được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSNDKV5-AG;
- THADS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thúy An